TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN CHẤN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 10 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Hoàng Đình Mùi;

2, Ông Trần Mạnh.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đinh Mạnh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Ngọc T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/6/2001 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông: Bùi Văn T1, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1981; vợ con: Chưa có; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 anh em tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày từ ngày 19/12/2023 đến ngày 14/3/2024, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Đặng Thị T3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/7/1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; con ông: Đặng Văn M, sinh năm 1969 và bà Trần Thị T4, sinh năm 1970; có chồng là Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1984; có 03 con; Tiền án, tiền

sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. "Có mặt tại phiên toà".

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1, Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm: 1983, trú tại: TDP B, TTNT L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2, Anh Hà Đình N, sinh năm 1993, trú tại: TDP P, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3, Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1994, trú tại: C, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4, Anh Hoàng Phi H, sinh năm 2004, thường trú: thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện ở tại: Số nhà D, đường H, phường P, TX N, tỉnh Yên Bái. Vắngmặt.

5, Chị Nguyễn Phương T7, sinh năm 2003, trú tại: Khu C, X, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

6, Chị Hoàng Thị Mến D, sinh năm 2000, trú tại: Thôn N, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

7, Chị Đinh Thị Kim N1, sinh năm 2004, trú tại: Bản L, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

8, Anh Hà Văn N2, sinh năm 1995, trú tại thôn D, xã T, huyện V

9, Chị Hoàng Thị Thùy T8, sinh năm 1993, trú tại thôn Q, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

10, Chị Nông Thị X, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

11, Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

12, Anh Lê Việt Dũng, sinh ngày 01/02/1980 địa chỉ: Số nhà C, ngõ C, đường Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

13, Chị Trần Thị H2, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

14, Chị Hoàng Thị Minh T11 sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

15, Chị Vũ Huyền T12, sinh năm 2001, trú tại: Thôn E, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt. Vắng mặt.

16, Anh Hoàng Trọng N6, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích thu lợi bất chính, nên khoảng tháng 3/2023, tại thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, Bùi Ngọc T đã nảy sinh và thực hiện hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao, thông qua tài khoản Icloud của điện thoại để hưởng lợi. T đăng các thông tin cho vay trên mạng xã hội Facebook và đính kèm các số điện thoại gồm 0989.848.041, 0365.888.200, 0352.910.400 để khách hàng có nhu cầu vay liên hệ. Về hình thức, T cho người vay, vay theo hai hình thức là "Bốc họ" và "Vay lãi đứng". Hình thức "Bốc họ" là việc hàng ngày người vay phải trả cho T một phần tiền gốc và một phần tiền lãi; Hình thức "Vay lãi đứng" là hình thức người vay phải trả lãi cho T 01 lần trong 01 kỳ (01 kỳ được tính là 10 ngày), tiền gốc phải trả 01 lần, không trả theo từng ngày. T yêu cầu những người vay phải thế chấp tài khoản Icloud của các dòng điện thoại Iphone, từ Iphone XSMAX trở lên, nếu người vay không thanh toán lãi, gốc thì T sẽ chiếm quyền kiểm soát điện thoại của người vay. Mức lãi suất mà T cho vay từ 183%/năm đến 669%/năm, gấp từ 9,15 đến 33,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tuỳ từng khách hàng, tuỳ từng lần vay, T sẽ thu thêm của mỗi khách hàng 05% tiền phí làm hồ sơ vay. Khoảng tháng 7/2023 Bùi Ngọc T rủ Đặng Thị T3 tham gia làm cộng tác viên, T thống nhất với T3, T3 là người môi giới, giới thiệu khách hàng cho T, để T cho vay, T sẽ trả cho T3 05% tiền hoa hồng trên tổng số tiền khách vay do T3 giới thiệu, T3 nhất trí. Khoảng tháng 10/2023 T đưa phần mềm "1Cash.info" vào sử dụng để quản lý thu chi, số lượng khách hàng, Bùi Ngọc T cho khoảng 68 người vay; Cơ quan Điều tra Công an huyện V đã làm việc được với 15 người vay tiền trong đó có 10 người do T3 giới thiệu là Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Hoàng Thị Mến D, Đinh Thị Kim N3, Nguyễn Văn T10, Hà Văn N4, Hà Đình N5, Nguyễn Phương T7, Nguyễn Văn P, Phạm Thị H1, Nông Thị X, Lê Việt D1 và Trần Thị H2 và 5 người T tự cho vay là chị Nông Thị X, chị Hoàng Thị Thùy T9, anh Lê Việt D1, chị Hoàng Thị Minh T11 và chị Vũ Huyền T12 với tổng số tiền gốc cho vay là 485.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 113.929.000 đồng, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy định 20%/01 năm là 9.584.000 đồng, tiền lãi vượt mức quy định 20%/01 năm là 104.345.000 đồng, tiền phụ thu (làm hồ sơ) là 16.200.000 đồng, như vậy tổng số tiền Bùi Ngọc T, Đặng Thị T3 thu lợi trái quy định của pháp luật từ quá trình cho vay là 120.695.000 đồng (một trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). T đã trả cho T3 là 5.350.000 đồng, cụ thể Bùi Ngọc T cho vay như sau:

Những người Bùi Ngọc T cho vay tiền qua giới thiệu của Đặng Thị T3:

1. Từ ngày 13/7/2023 đến ngày 25/9/2023, Bùi Ngọc T cho Hà Văn N4 vay tổng số 02 lần với số tiền mỗi lần là 3.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi N4 trả cho T được tính là 38 ngày, mỗi ngày N4 phải trả cho T 100.000 đồng. Tiền lãi của 38 ngày là 800.000 đồng. Phần trăm mức lãi suất cho vay/năm sẽ là: (Tổng số tiền lãi/Số ngày vay/số tiền vay x 100 x 365 ngày). Cụ thể phần trăm lãi suất T cho N4 vay/năm sẽ là: 800.000 đồng/38 ngày/3.000.000 đồng x 100 x 365 ngày = 256%/năm.

Trong trường hợp này, số tiền lãi theo pháp luật quy định của 01 lần cho vay là: [3.000.000 đồng x (20%/365 ngày) x 38 ngày đã thu lãi] = 62.466 đồng.

- Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay là: 800.000 đồng - 62.466 đồng = 737.534 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của cả 02 lần vay là 1.475.068 đồng.

Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 1.475.068 đồng + 300.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 1.775.068 đồng.

Số tiền gốc cho Hà Văn N4 vay là 6.000.000 đồng, lãi suất 20%/01 năm là 124.892 đồng.

2. Từ ngày 27/9/2023 đến ngày 07/12/2023, Bùi Ngọc T cho Hoàng Thị Thùy T9 vay tổng số 04 lần với số tiền mỗi lần là 4.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi T9 phải trả cho T được tính là 40 ngày, mỗi ngày T9 phải trả cho T 130.000 đồng, tuy nhiên vào lần vay cuối T9 trả cho T 13 ngày lãi thì T bị bắt.

* Đối với 03 lần vay Trang trả đủ 40 ngày lãi: Số tiền lãi theo pháp luật quy định 20%/01 năm là: 263.013 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là 3.336.987 đồng

* Đối với lần vay cuối trả được 13 ngày thì T bị bắt: Tiền lãi của 13 ngày là 390.000 đồng. Số tiền lãi theo pháp luật quy định là 20%/01 năm của lần vay là: 28.493 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định 20%/01 năm của lần vay này là: 390.000 đồng – 28.493 đồng = 361.507 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 3.336.987 đồng + 361.507 đồng + 800.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 4.498.494 đồng.

Số tiền gốc T cho T9 vay đã thu về là: 13.700.000 đồng; Tiền lãi 20/%/01 năm T thu của T9 là 281.494 đồng

Số tiền gốc Hoàng Thị Thùy T9 chưa trả cho T là: 2.700.000 đồng.

3. Từ ngày 18/10/2023 đến ngày 16/12/2023, Bùi Ngọc T cho Hoàng Phi H3 vay tổng số 02 lần, dưới hình thức "bốc họ" và "vay lãi đứng".

* Đối với 01 lần vay 18.000.000 đồng với hình thức "vay lãi đứng", H3 trả lãi trong vòng 05 kỳ, mỗi kỳ 1.800.000 đồng (Đã thanh toán gốc): Tiền lãi của 05 kỳ là 9.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật của lần vay này là: 493.151 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 8.506.849 đồng.

* Đối với 01 lần vay 10.000.000 đồng với hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi H3 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày H3 phải trả cho T 330.000 đồng, tuy nhiên H3 trả tiền gốc và lãi được 05 ngày thì T bị bắt:

Tiền lãi của 05 ngày là 400.000 đồng. Số tiền lãi theo pháp luật quy định của lần vay này là: 27.397 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là 372.603 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật T đã thu của H3 trong 02 lần vay là: 8.506.849 đồng + 372.603 đồng + 1.400.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) =

10.279.452 đồng. Số tiền gốc T cho H3 vay đã thu về là: 19.250.000 đồng; Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 520.548 đồng.

Số tiền gốc Hoàng Phi H3 chưa trả cho T là: 8.750.000 đồng

4. Ngày 19/10/2023 Bùi Ngọc T cho Hoàng Thị Mến D vay số tiền 10.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi D phải trả cho T được tính là 40 ngày, mỗi ngày D phải trả cho T 320.000 đồng.

Tiền lãi của 40 ngày là 2.800.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo quy định của pháp luật của lần vay này là: 219.178 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 2.580.822 đồng. Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 2.580.822 đồng + 500.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 3.080.822 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 219.178 đồng.

5. Ngày 29/10/2023 Bùi Ngọc T cho Đinh Thị Kim N3 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi N3 phải trả cho T được tính là 30 ngày, mỗi ngày N3 phải trả cho T 200.000 đồng. Tiền lãi của 30 ngày là 1.000.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định là: 82.192 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 917.808 đồng. Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 917.808 đồng + 250.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 1.167.808 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 5.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 82.192 đồng.

6. Từ ngày 05/12/2023 đến ngày 14/12/2023, Bùi Ngọc T cho Nguyễn Văn T10 vay tổng số 02 lần, dưới hình thức "bốc họ" với số tiền mỗi lần 7.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi T10 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày T10 phải trả cho T 220.000 đồng. Tiền lãi của 2 lần vay là 3.600.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của là: 306.850 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định T đã thu của T10 trong 02 lần vay là: 3.293.150 đồng. Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 3.293.150 đồng + 700.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 3.993.150 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 14.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 306.850 đồng.

7. Từ ngày 20/11/2023 đến ngày 01/12/2023, Bùi Ngọc T cho Hà Đình N5 vay tổng số 02 lần, dưới hình thức "bốc họ" với số tiền mỗi lần 3.500.000 đồng, kỳ hạn và lãi N5 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày N5 phải trả cho T 115.000 đồng. Tiền lãi của 40 ngày là 1.100.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của hai lần cho vay là: 153.424 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của hai lần cho vay là: 2.046.576 đồng. Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 2.046.576 đồng + 350.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 2.396.576 đồng

Số tiền gốc đã thu về là 7.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 153.424 đồng.

8. Từ ngày 24/10/2023 đến ngày 11/12/2023, Bùi Ngọc T cho Nguyễn Phương T7 vay tổng số 02 lần, dưới hình thức "bốc họ" mỗi lần vay 6.000.000 đồng.

* Lần thứ nhất vay số tiền 6.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi T7 phải trả cho T được tính là 40 ngày, mỗi ngày T7 phải trả cho T 190.000 đồng. Tiền lãi của 40 ngày là 1.600.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của lần vay này là: 131.507 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 1.468.493 đồng.

* Đối với lần vay thứ hai T7 trả cho T 10 ngày lãi thì T bị bắt. Tiền lãi của 10 ngày là 450.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của lần vay này là: 27.397 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 422.603 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 1.468.493 đồng + 422.603 đồng + 550.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ)= 2.441.096 đồng.

Số tiền gốc Nguyễn Phương T7 chưa trả cho T là: 4.500.000 đồng.

9. Ngày 07/11/2023 Bùi Ngọc T cho Nguyễn Văn P vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi P phải trả cho T được tính là 40 ngày, mỗi ngày P phải trả cho T 160.000 đồng. Tiền lãi của 40 ngày là 1.400.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của lần vay này là: 109.589 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 1.290.411 đồng. Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật là: 1.290.411 đồng + 250.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 1.540.411 đồng

Số tiền gốc đã thu về là 5.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là **109.589** đồng.

10. Ngày 29/11/2023 Bùi Ngọc T cho Trần Thị H2 vay số tiền 5.000.000 đồng, dưới hình thức "bốc họ", kỳ hạn và lãi được tính là 40 ngày, mỗi ngày H2 phải trả cho T 170.000 đồng. Tiền lãi của 40 ngày là 1.800.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định là: 109.589 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 1.690.411 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp vượt quá 20%/01 năm là: 1.690.411 đồng + 250.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 1.940.411 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 5.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 109.589 đồng.

Ngoài những người T9 giới thiệu cho T nêu trên T còn tự cho những người vay khác sau:

11. Từ ngày 06/5/2023 đến ngày 02/12/2023, Bùi Ngọc T cho Phạm Thị H1 vay tổng số 06 lần, dưới hình thức "bốc họ". Trong đó có 02 lần vay, mỗi lần 6.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi H1 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 50 ngày, mỗi ngày H1 phải trả cho T 165.000 đồng; 03 lần vay với số tiền vay mỗi lần là 8.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi H1 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày H1 phải trả cho T 250.000 đồng; 01 lần vay 6.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi H1 phải trả cho T được tính là 40 ngày, mỗi ngày H1 phải trả cho T 190.000 đồng, tuy nhiên tại lần vay này

H1 đã trả tiền gốc và lãi 16 ngày thì T bị bắt. Như vậy theo phương pháp tính nêu trên thì:

* Đối 02 lần vay với khoản vay 6.000.000 đồng: Tiền lãi là 4.500.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của 01 lần vay là: 328.696 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là 4.171.304 đồng.

* Đối với 03 lần vay với khoản vay 8.000.000 đồng: Tiền lãi là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định là: 526.026 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là: 5.473.974 đồng.

* Đối với lần vay cuối cùng khoản vay 6.000.000 đồng. Tiền lãi của 16 ngày với số tiền vay 6.000.000 đồng là 640.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của lần vay này là: 52.603 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định của lần vay này là: 587.397 đồng.

* Tổng số tiền phí làm hồ sơ T đã thu của H1 trong 06 lần cho vay trên là: 1.800.000 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi trái quy định của pháp luật T đã thu của H1 trong 06 lần vay là: 4.171.232 đồng + 5.473.974 đồng + 587.397 đồng + 1.800.000 đồng = 12.032.603 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 30.800.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 907.397 đồng.

Số tiền gốc của lần vay cuối Phạm Thị H1 chưa trả cho T là: 3.600.000 đồng

12. Từ ngày 13/5/2023 đến ngày 04/12/2023, Bùi Ngọc T cho Nông Thị X vay tổng số 09 lần, dưới hình thức "bốc họ" với số tiền vay mỗi lần là 8.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi X phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày X phải trả cho T 250.000 đồng, trong đó vào lần vay cuối cùng X đã trả tiền gốc và lãi 12 ngày thì T bị bắt.

* Đối 08 lần vay với khoản vay 8.000.000 đồng: Tiền lãi là 16.000.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định là: 1.402.736 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là: 14.597.264 đồng

* Đối với lần vay cuối cùng khoản vay 8.000.000 đồng. Tiền lãi của 12 ngày với số tiền vay 8.000.000 đồng là 600.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo pháp luật quy định của lần vay này là: 52.603 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là: 547.397 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp T đã thu của X trong 09 lần vay là: 14.597.264 đồng + 547.397 đồng + 2.600.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 17.744.661 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 66.400.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.455.339 đồng.

Số tiền gốc của lần vay cuối Nông Thị X chưa trả cho T là: 5.600.000 đồng

13. Từ ngày 14/5/2023 đến ngày 15/12/2023, Bùi Ngọc T cho Lê Việt D1 vay tổng số 15 lần, dưới hình thức "bốc họ" với số tiền vay mỗi lần là 10.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi D1 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày D1 phải trả cho T 300.000 đồng, trong đó vào lần vay cuối cùng D1 đã trả tiền gốc và lãi 02 ngày thì T bị bắt.

* Đối với 14 lần vay: Tiền lãi là 28.000.000 đồng. Số tiền lãi 20%/01 năm theo quy định của pháp luật là 3.068.000 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định trong 14 lần vay là: 24.932.000 đồng.

* Đối với lần vay cuối cùng.

Tiền lãi của 02 ngày với số tiền vay 10.000.000 đồng là 100.000 đồng. Số tiền lãi theo pháp luật quy định là 10.959 đồng. Số tiền lãi vượt mức quy định là 89.041 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp T đã thu của D1 trong 15 lần vay là: 24.931.508 đồng + 89.041 đồng + 3.000.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ) = 28.021.000 đồng.

Số tiền gốc T đã thu về là 140.500.000 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật là 3.079.000 đồng. Số tiền gốc D1 chưa trả cho T là 9.500.000 đồng

14. Từ ngày 15/4/2023 đến ngày 14/11/2023, Bùi Ngọc T cho Hoàng Thị Minh T11, vay tổng số 14 lần, dưới hình thức "bốc họ". Trong đó có 09 lần vay với số tiền vay mỗi lần là 8.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi T11 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 30 ngày, mỗi ngày T11 phải trả cho T 330.000 đồng và 05 lần vay, mỗi lần 7.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi T11 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày T11 phải trả cho T 225.000 đồng, lần vay cuối cùng T11 đã trả tiền gốc và lãi 15 ngày thì T bị bắt. Như vậy theo phương pháp tính nêu trên thì:

* Đối 09 lần vay với khoản vay 8.000.000 đồng: Tiền lãi là 17.100.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là: 1.183.563 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp là: 15.916.437 đồng.

* Đối với 04 lần vay với khoản vay 7.000.000 đồng: Tiền lãi là 8.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp là: 613.700 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp là: 7.386.300 đồng.

* Đối với lần vay cuối cùng khoản vay 7.000.000 đồng. Tiền lãi của 15 ngày với số tiền vay 7.000.000 đồng là 750.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp của lần vay này là: 57.534 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của lần vay này là: 692.466 đồng.

* Tổng số tiền phí làm hồ sơ T đã thu của T11 trong 14 lần cho vay trên là: 2.800.000 đồng.

* Tổng số tiền vượt quá quy định pháp luật T đã thu của T11 trong 14 lần vay là: 15.916.437 đồng + 7.386.300 đồng + 692.466 đồng + 2.800.000 đồng = 26.795.203 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 102.625.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.855.000 đồng.

Số tiền gốc của lần vay cuối Hoàng Thị Minh T11 chưa trả cho T là: 4.375.000 đồng.

15. Từ ngày 20/11/2023 đến ngày 14/12/2023, Bùi Ngọc T cho Vũ Huyền T12 vay 02 lần, dưới hình thức "bốc họ", số tiền vay mỗi lần 8.000.000 đồng, kỳ hạn và lãi T12 phải trả cho T mỗi lần vay được tính là 40 ngày, mỗi ngày T12 phải trả cho T 250.000 đồng trong đó vào lần vay cuối cùng T12 trả tiền gốc và lãi 08 ngày thì T bị bắt.

* Đối với lần vay T12 trả đủ 40 ngày lãi: Tiền lãi của 40 ngày là 2.000.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp 20%/1 năm của lần vay này là: 175.342 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của lần vay này là: 2.000.000 đồng – 175.342 đồng = 1.824.658 đồng.

* Đối với lần vay T12 trả cho T 08 ngày lãi thì T bị bắt. Tiền lãi của 08 ngày là 400.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp 20%/1 năm của lần vay này là: 35.068 đồng. Số tiền lãi bất hợp pháp của lần vay này là: 400.000 đồng – 35.068 đồng = 364.932 đồng.

* Tổng số tiền thu lợi bất hợp pháp là: 1.824.658 đồng + 364.932 đồng + 800.000 đồng (Tiền phí làm hồ sơ)= 2.989.590 đồng.

Số tiền gốc đã thu về là 9.600.000 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật là 210.000 đồng.

Số tiền gốc của lần vay cuối Vũ Huyền T12 chưa trả cho T là: 6.400.000 đồng.

Tổng số tiền T và T12 thu lợi bất chính là 120.545.000 đồng (một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) trong đó số tiền T12 môi giới để T thu lợi bất chính là 33.113.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc T đã thu về là 439.575.000 đồng tiền lãi 20%/ 01 năm theo quy định của pháp luật là 9.584.000 đồng.

- Tại Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-VC ngày 17/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Thị T3 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đề nghị truy tố đối với hành vi cho 15 người vay lãi nặng gồm Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Hoàng Thị Mến D, Đinh Thị Kim N3, Nguyễn Văn T10, Hà Văn N4, Hà Đình N5, Nguyễn Phương T7, Nguyễn Văn P, Phạm Thị H1, Nông Thị X, Trần Thị H2, Lê Việt D1, Hoàng Thị Minh T11 và Vũ Huyền T12 với tổng số tiền gốc cho vay là 485.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 113.929.000 đồng, trong đó tiền lãi theo pháp luật quy20%/01 năm là 9.584.000 đồng, tiền lãi vượt mức quy20%/01 năm là 104.345.000 đồng, tiền phụ thu (làm hồ sơ) là 16.200.000 đồng, như vậy tổng số tiền Bùi Ngọc T, Đặng Thị T3 thu lợi trái quy định của pháp luật từ quá trình cho vay là 120.695.000 đồng (một trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong đó T3 môi giới để T thu lợi bất chính là 33.113.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn đồng) T đã trả cho T3 là 5.350.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với hành vi cho 53 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự do chưa lấy được lời khai của họ để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần yêu cầu Cơ quan điều tra xác minh, lấy lời khai của những người vay này và xử lý sau đối với bị cáo.

Bản luận tội đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 07 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 02 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bùi Ngọc T.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị T3 từ 50.000.000 đến 60.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án, tài sản tạm giữ và các vấn đề khác: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11 số IMEI 356567104154131, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone số IMEI 359210070099306, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu DELL, vỏ máy màu đen, mặt sau máy in chữ SERVICE: J8F6FC2 của Bùi Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy XSMAX số IMEI 357264090301459.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 14 Promax đã qua sử dụng của Bùi Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy XSMAX của Đặng Thị T3 là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho các bị cáo.

- Buộc bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã thu 439.575.000 đồng tiền lãi 20%/ 01 năm theo quy định của pháp luật là 9.584.000 đồng tổng cộng là 449.159.000 đồng, được trừ đi số tiền 34.147.000 đồng T có trong tài khoản số 01529070001 thuộc Ngân hàng TMCP B đứng tên Hoàng Trọng N6. Trong đó Bùi Ngọc T phải nộp 409.661.000 đồng, Đặng Thị T3 phải nộp 5.350.000 đồng.

- Buộc Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Nguyễn Phương T7, Phạm Thị H1 và Nông Thị X nộp lại số tiền gốc vay của T chưa trả với tổng số tiền là 45.425.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Hoàng Thị Thùy T9 phải nộp là: 2.700.000 đồng.

- Anh Hoàng Phi H3 phải nộp là: 8.750.000 đồng.

- Chị Nguyễn Phương T7 phải nộp là: 4.500.000 đồng.

- Chị Phạm Thị H1 phải nộp là: 3.600.000 đồng.

- Chị Nông Thị X phải nộp là: 5.600.000 đồng.

- Anh Lê Việt D1 phải nộp là: 9.500.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị Minh T11 phải nộp là: 4.375.000 đồng.

- Chị Vũ Huyền T12 phải nộp là: 6.400.000 đồng.

Đối với 53 người liên quan khác đã vay tiền của bị cáo Bùi Ngọc T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành liên hệ và ủy thác điều tra nhưng chưa liên lạc lấy được lời khai của những người này, cần yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh lấy lời khai để xem xét xử lý về hành vi cho vay lãi nặng đối với bị cáo.

Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Bị cáo Bùi Ngọc T nói lời nói sau cùng: Do nhất thời phạm tội xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị cáo Đặng Thị T3 nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Hoàng Thị Mến D, Đinh Thị Kim N3, Nguyễn Văn T10, Hà Văn N4, Hà Đình N5, Nguyễn Phương T7, Nguyễn Văn P, Phạm Thị H1, Nông Thị X, Trần Thị H2, Lê Việt D1, Hoàng Thị Minh T11 và Vũ Huyền T12 vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các bản sao kê do Ngân hàng cung cấp và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng tháng 3/2023 đến tháng 12/2023, Bùi Ngọc T đã thực hiện hành vi giao dịch dân sự cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao, thông qua tài khoản Icloud của điện thoại để hưởng lợi. T đăng các thông tin cho vay trên mạng xã hội Facebook và đính kèm các số điện thoại gồm 0989.848.041, 0365.888.200, 0352.910.400 để khách

hàng có nhu cầu vay liên hệ. Mức lãi suất (183%/năm đến 669%/năm) gấp từ 9,15 đến 33,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tuỳ từng khách hàng, tuỳ từng lần vay, T sẽ thu thêm của mỗi khách hàng 05% tiền phí làm hồ sơ vay. Khoảng tháng 7/2023 Bùi Ngọc T rủ Đặng Thị T3 tham gia làm người môi giới, giới thiệu khách hàng cho T, để T cho vay, T sẽ trả cho T3 05% tiền hoa hồng trên tổng số tiền khách vay do T3 giới thiệu, T3 nhất trí. Khoảng tháng 10/2023 T đưa phần mềm "1Cash.info" vào sử dụng để quản lý thu chi, số lượng khách hàng, Bùi Ngọc T cho 15 người vay tiền là Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Hoàng Thị Mến D, Đinh Thị Kim N3, Nguyễn Văn T10, Hà Văn N4, Hà Đình N5, Nguyễn Phương T7, Nguyễn Văn P, Phạm Thị H1, Nông Thị X, Trần Thị H2, Lê Việt D1, Hoàng Thị Minh T11 và Vũ Huyền T12 với tổng số tiền gốc bị cáo T đã cho vay là 485.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 113.929.000 đồng, trong đó Số tiền lãi theo pháp luật quy định 20%/01 năm là 9.584.000 đồng, tiền lãi vượt mức quy định 20%/01 năm là 104.345.000 đồng, tiền phụ thu (làm hồ sơ) là 16.200.000 đồng. Tổng số tiền Bùi Ngọc T, Đặng Thị T3 thu lợi trái quy định của pháp luật từ quá trình cho vay là: Lãi vượt mức quy định 20%/ 01 năm và tiền phụ thu (làm hồ sơ) tổng cộng là 120.695.000 đồng (một trăm hai mươi triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Trong số 15 người vay tiền nêu trên có 10 người do T3 giới thiệu cho T là Hoàng Thị Thùy T9, Hoàng Phi H3, Hoàng Thị Mến D, Đinh Thị Kim N3, Nguyễn Văn T10, Hà Văn N4, Hà Đình N5, Nguyễn Phương T7, Nguyễn Văn P, Trần Thị H2, với tổng số tiền T đã thu lợi bất chính của 10 người này là 33.113.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm mười ba nghìn đồng), T đã trả cho T9 là 5.350.000 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Ngọc T đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự, Đặng Thị T3 đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm các bị cáo đã thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo đã thực hiện. Do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Đây là vụ án đồng phạm tuy nhiên các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc cụ thể, cấu kết chặt chẽ từ trước là vụ án có đồng phạm giản đơn.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành

khẩn khai báo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho cả 02 bị cáo.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội các bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 không có tiền án, tiền sự, thể hiện các bị cáo là người có nhân thân tốt.

Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật Hình sự. Bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội lần đầu có nhân thân tốt cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Đặng Thị T3 phạm tội lần đầu là người giúp sức cho bị cáo T nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Ngọc T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu toàn bộ số tiền gốc, lãi do giao dịch dân sự không hợp pháp nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11 số IMEI 356567104154131, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 7 số IMEI 359210070099306, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu DELL, vỏ máy màu đen, mặt sau máy in chữ SERVICE: J8F6FC2; Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Bùi Ngọc T là công cụ, phương tiện bị cáo Bùi Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 14 Promax số IMEI 358001683467530, điện thoại cũ đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Bùi Ngọc T không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy XS Max số IMEI 357264090301459 Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Đặng Thị T3 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả chiếc điện thoại này cho bị cáo T3,

- Đối với tài khoản số 01529070001 thuộc Ngân hàng TMCP B đứng tên Hoàng Trọng N6, là tài khoản bị cáo T mượn để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong tài khoản có 34.147.000 đồng là tiền Bùi Ngọc T sử dụng cho vay lãi nặng nên cần tịch thu và được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà bị cáo Bùi Ngọc T đã cho vay là 485.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 439.575.000 đồng. Đây là tiền dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo T nộp vào ngân sách Nhà; Đối với số tiền 9.584.000 đồng tiền lãi các bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo T và T3 nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 449.159.000 đồng được khấu trừ 34.147.000 đồng có trong tài khoản số 01529070001 thuộc Ngân hàng TMCP B đứng tên Hoàng Trọng N6. Bị cáo Đặng Ngọc T13 đã đưa cho Đặng Thị T3

số tiền 5.350.000 đồng nên Bùi Ngọc T phải nộp 409.661.000 đồng; Đặng Thị T3 phải nộp 5.350.000 đồng.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo Bùi Ngọc T là 45.425.000 đồng: Đây là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên buộc những người vay phải nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Hoàng Thị Thùy T9 phải nộp số tiền: 2.700.000 đồng. Hoàng Phi H3 phải nộp số tiền: 8.750.000 đồng. Nguyễn Phương T7 phải nộp số tiền: 4.500.000 đồng. Phạm Thị H1 phải nộp số tiền: 3.600.000 đồng. Nông Thị X phải nộp số tiền: 5.600.000 đồng. Lê Việt D1 phải nộp số tiền: 9.500.000 đồng. Chị Hoàng Thị Minh T11 phải nộp số tiền: 4.375.000 đồng. Chị Vũ Huyền T12 phải nộp số tiền: 6.400.000 đồng

- Đối với Hoàng Trọng Nghĩa là người đã cho Bùi Ngọc Tuấn mượn số tài khoản 051219070001 thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt và Tuấn sử dụng số tài khoản trên để giao dịch chuyển tiền vay, nhận tiền lãi với những người vay, nhưng khi cho mượn Nghĩa không biết Tuấn sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan Điều tra Công an huyện Văn Chấn không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10-7-2024.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Bùi Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Thị T3 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2, các điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 11 số IMEI 356567104154131, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 7 số IMEI 359210070099306, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu DELL, vỏ máy màu đen, mặt sau máy in chữ SERVICE: J8F6FC2 của Bùi Ngọc T.

- Trả lại Bùi Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 14 Promaxố IMEI 358001683467530, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại Đặng Thị T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, kiểu máy XSMAX số IMEI 357264090301459.

Các vật chứng và tài sản tạm giữ có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Buộc bị cáo Bùi Ngọc T và bị cáo Đặng Thị T3 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã thu của người vay là 439.575.000 đồng tiền lãi 20%/ 01 năm theo quy định của pháp luật là 9.584.000 đồng, tổng cộng là 449.159.000 đồng, (Tiếp tục phong tỏa số tiền 34.147.000 đồng của T có trong tài khoản số 01529070001 thuộc Ngân hàng TMCP B đứng tên Hoàng Trọng N6 để đảm bảo thi hành án) số tiền còn lại là 415.012.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng).

Trong đó Bùi Ngọc T phải nộp 409.662.000 đồng (bốn trăm linh chín triệu triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Truy thu của bị cáo Đặng Thị T3 số tiền 5.350.000 (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

* Truy thu khoản tiền gốc những người vay chưa trả cho bị cáo để nộp vào ngân sách Nhàvới tổng số tiền là 45.425.000 đồng (bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), cụ thể:

- Truy thu của chị Hoàng Thị Thùy T9 số tiền 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Truy thu của anh Hoàng Phi H3 số tiền: 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Truy thu của chị Nguyễn Phương T7 số tiền: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Truy thu của chị Phạm Thị H1 số tiền: 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Truy thu của chị Nông Thị X số tiền : 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Truy thu của anh Lê Việt D1 số tiền: 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng)

- Truy thu của chị Hoàng Thị Minh T11 số tiền: 4.375.000 đồng (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

- Truy thu của chị Vũ Huyền T12 số tiền: 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo Bùi Ngọc T và Đặng Thị T3 được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Văn Chấn;
- Công an huyện Văn Chấn;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện Văn Chấn;
- Các bị cáo (02);
- Người có QLNVLQ (16);
- UBND xã Nghĩa Tâm (TB);
- UBND xã Thượng Bằng La (TB);
- Thi hành án hình sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án.